

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST

Ngày: 22/5/2023

(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 652/2022/TLST – DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông [Nguyễn Văn T](#), sinh năm 1974. Địa chỉ: [Áp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang](#).

Đại diện theo ủy quyền: Ông [Lê Tấn L](#), sinh năm 1985. Địa chỉ: [Áp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang](#) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông [Trương Văn T1](#), sinh năm 1974;

2.2. Bà [Dương Thị Lê P](#), sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: [Áp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang](#) (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 20/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho ông Lê Tấn L trình bày:***

Do quen biết, nên ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng ông Trương Văn T1 và bà Dương Thị Lê P vay số tiền 500.000.000 đồng, hạn vay 12 tháng tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày 04/5/2023, lãi xuất thỏa thuận 0,2%/tháng, mục đích vay để làm ăn và chi tiêu trong gia đình. Từ lúc vay tiền ông Trương Văn T1 và bà Dương Thị Lê P không trả lãi theo thỏa thuận, đến nay ông Nguyễn Văn T đã đòi tiền lại nhiều lần nhưng ông Trương Văn T1 và bà Dương Thị Lê P tránh mặt, không trả.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Văn T1 và bà Dương Thị Lê P liên đới trả lại ông Nguyễn Văn T số tiền 500.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 10/01/2023, bị đơn ông Trương Văn T1 trình bày:***

Ông và bà Dương Thị Lê P có mượn số tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T, thỏa thuận lại xuất 2%/tháng, có làm biên nhận ngày 04/5/2022 âm lịch, từ lúc vay tiền có trả lãi đầy đủ, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên ngưng trả lãi 02 tháng. Nay xin trả số tiền 500.000.000 đồng, trả một lần vào ngày 10/4/2023.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng bà Dương Thị Lê P vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Dương Thị Lê P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy ông [Nguyễn Văn T](#) khởi kiện yêu cầu ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) trả tiền vay còn thiếu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa ông [Nguyễn Văn T](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho mượn tiền giữa ông [Nguyễn Văn T](#) với ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) có lập thành văn bản ghi ngày 04/5/2022, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ cho vay tiền giữa ông [Nguyễn Văn T](#) với ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) là có thật.

3.2. Theo biên bản xác minh ngày 11/5/2023 tại [Ủy ban nhân dân xã N](#), thì ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2000 tại [Ủy ban nhân dân xã N](#). Tại tờ tự khai ngày 10/01/2023 ông [Trương Văn T1](#) thừa nhận vợ chồng còn nợ ông [Nguyễn Văn T](#) 500.000.000 đồng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông [Nguyễn Văn T](#) yêu cầu trả lại tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) phải trả lại ông [Nguyễn Văn T](#) số tiền 500.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét tại phiên tòa ông [Nguyễn Văn T](#) yêu cầu ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) liên đới trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) là vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tại tờ tự khai ngày 10/01/2023 ông [Trương Văn T1](#) thừa nhận vợ chồng còn nợ ông [Nguyễn Văn T](#) 500.000.000 đồng, bà [Dương Thị Lê P](#) cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn T](#). Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự, Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông [Nguyễn Văn T](#).

[5] Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông [Trương Văn T1](#) trình bày có trả lãi cho khoản vay 500.000.000 đồng nhưng không được ông [Nguyễn Văn T](#) thừa nhận, ông [Trương Văn T1](#) không có đơn phản tố yêu cầu giải quyết theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà [Dương Thị Lê P](#) vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp bà [Dương Thị Lê P](#) có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ với các đương sự khác trong vụ án thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi theo quy định pháp luật.

[7] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 29/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy để đảm bảo tài sản thi hành án cho đến khi có quyết định khác thay thế.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nội dung vụ án, phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của ông [T](#) được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn T](#).

1. Buộc ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) phải có nghĩa vụ trả cho ông [Nguyễn Văn T](#) số tiền 500.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông [Nguyễn Văn T](#) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông [Trương Văn T1](#) và bà [Dương Thị Lê P](#) phải liên đới chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. [H](#) lại cho ông [Nguyễn Văn T](#) 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017061 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 29/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có quyết định khác thay thế.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc